TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Bình

Ông Nguyễn Văn Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:*** Không tham gia.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Trọng Q, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn CB, xã ĐH, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Số 17, Lý Thiên C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

Người giám hộ: Ông Lê Trọng H, sinh năm: 1954 (bố đẻ); Địa chỉ: Thôn CB, xã ĐH, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn CB, xã ĐH, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2023 và trình bày của nguyên đơn anh Lê Trọng Q:

- Về hôn nhân: Anh Q và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa vào ngày 18/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý không ai nghe ai nên liên tục xảy ra va chạm. Gia đình hai bên hòa giải rất nhiều lần nhưng không thành. Đến cuối năm 2012 chị T đả bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Quỳnh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con: Anh Q và chị T chưa có con chung, hiện tại chị T không có thai nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai ngày 09/6/2023 quan điểm của chị Nguyễn Thị T:

- Về hôn nhân: Chị T cũng thống nhất với phần trình bày của anh Q về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2012. Nay anh Q xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý.

- Về con: Chị T thống nhất như lời trình bày của anh Q, vợ chồng chưa có con chung, hiện tại chị T không có thai nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị T thống nhất như lời trình bày của anh Q.

- Về công nợ: Chị T cũng thống nhất như lời trình bày của anh Q.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Lê Ngọc Q và bị đơn chị Nguyễn Thị T là: Tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Thôn CB, xã ĐH, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Trọng Q là người khuyết tật nên có ông Lê Trọng H là bố đẻ của anh Q tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập chị T đến làm việc chị T đã đề nghị Tòa án ghi lời khai nhưng vì lý do công việc nên có đơn xin giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xin vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử ly hôn. Yêu cầu xét xử vắng mặt của chị T là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân*:* Anh Lê Trọng Q và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa vào ngày 18/7/2012. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận khoảng 3 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay, không có trách nhiệm gì với nhau. Tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị T đã hoàn toàn tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi anh Q xin ly hôn thì chị T cũng không thiết tha níu kéo mà có thái độ bỏ mặc. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Trọng Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

* Về con: Anh Lê Trọng Q và chị Nguyễn Thị T đều trình bày thống nhất: Vợ chồng chưa có con, hiện tại chị Thúy không có thai, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* Về tài sản và công nợ: Anh Lê Trọng Q và chị Nguyễn Thị T đều trình bày thống nhất: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Lê Trọng Q là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Trọng Q đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T.

Xử: Vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Trọng Q được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Lê Trọng Q được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Trọng Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hòa
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tố Như